

CƠ CHẾ GIÁM SÁT QUYỀN CÔNG TỔ Ở VIỆT NAM

LÊ THU HÀ*

Bài viết đề cập đến cơ chế kiểm soát quyền công tố, như: tính tất yếu của hoạt động giám sát quyền công tố, nội dung kiểm soát quyền công tố. Trên cơ sở nội dung này, tác giả phân tích, đánh giá về thực tiễn thực hiện cơ chế giám sát hoạt động thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân, qua đó tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát quyền công tố ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Cơ chế; giám sát; công tố; Viện kiểm sát nhân dân; Giám sát quyền công tố.

This article discusses mechanisms for supervising prosecutorial powers, including their necessity and the content of prosecutorial power oversight. It evaluates the implementation of mechanisms for supervising the prosecutorial powers of the People's Procuracy and makes recommendations for improving these mechanisms in Vietnam.

Keywords: Mechanism; supervision; prosecutorial powers; People's Procuracy; supervising prosecutorial powers.

NGÀY NHẬN: 12/8/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 21/11/2024

NGÀY DUYỆT: 16/12/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.347.2024.1029>

1. Tính tất yếu của hoạt động giám sát quyền công tố

Hiểu một cách chung nhất, “quyền lực là khả năng nhờ đó, người này có thể buộc người khác phải phục tùng”¹. Theo đó, quyền lực nhà nước là quyền lực gắn liền với sự ra đời của Nhà nước, từ đó, Nhà nước được áp đặt ý chí và buộc những chủ thể khác trong xã hội phải phục tùng mệnh lệnh của mình nhằm bảo đảm an ninh, duy trì trật tự xã hội. Hoạt động của Nhà nước suy cho cùng do những cá nhân cụ thể được Nhà nước trao quyền thực hiện mà bản tính của con người là đam mê quyền lực, “lòng đam mê quyền lực và lòng đam mê danh vọng là những ước muốn vô hạn định của con người”². Vì vậy, khi có quyền lực, con người thường có xu hướng lạm quyền.

Như vậy, có thể thấy một đặc trưng quan trọng nhất của quyền lực đó chính là sự tha hóa (biến thành cái khác bản chất ban đầu) của quyền lực. Quyền lực có xu hướng tha hóa, dẫn đến quyền lực dễ bị sử dụng vào những mục đích tư lợi của con người. Đó là một trong những rủi ro vô cùng nguy hiểm của xã hội. Vì thế, kiểm soát quyền lực luôn tồn tại trong hệ thống xã hội nói chung và trong bộ máy nhà nước nói riêng.

Ở Việt Nam, kiểm soát quyền lực nhà nước là một nguyên tắc hiến định, là giá trị cốt lõi trong tổ chức, hoạt động quyền lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam được quy định tại Điều 2 Hiến pháp năm 2013: “... Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối

* ThS, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Nguyên tắc này tiếp tục được khẳng định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Theo đó, kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta, vừa bao gồm cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong, vừa bao gồm cơ chế kiểm soát bên ngoài và cơ chế kiểm soát quyền lực độc lập. Tất cả cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được đặt dưới sự giám sát của Nhân dân, được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động giám sát của Quốc hội với tư cách là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Quyền công tố là quyền lực của Nhà nước, xuất hiện khách quan cùng với sự xuất hiện của Nhà nước. Ở Việt Nam, quyền công tố được Nhà nước phân công cho Viện kiểm sát nhân dân thực hiện cùng với quyền kiểm sát hoạt động tư pháp tại khoản 1 Điều 107 *Hiến pháp* năm 2013 quy định: Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Việc kiểm soát thực hiện quyền công tố nhà nước cũng mang tính tất yếu của hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước, được đặt dưới sự giám sát của Nhân dân. Viện kiểm sát nhân dân phối hợp với các cơ quan nhà nước khác (cơ quan điều tra, các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án nhân dân và các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của *Bộ luật Tố tụng hình sự*), đồng thời, kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền công tố bằng các cơ chế pháp lý cụ thể dưới sự giám sát của Nhân dân. Quốc hội thay mặt Nhân dân thực hiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua việc ban hành cơ chế, pháp luật, đồng thời thay mặt Nhân dân thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước nói chung và hoạt động thực hiện quyền công tố nói riêng.

Hoạt động giám sát thực hiện quyền công tố nhà nước là hoạt động tất yếu trong Nhà nước pháp quyền XHCN thông qua các cơ chế pháp lý cụ thể nhằm duy trì bản chất, tính thống nhất của quyền lực nhà nước, định hướng chung của quyền lực nhà nước và để bảo đảm cho quyền lực nhà nước được thực hiện một cách khoa học, hiệu quả. Bài viết này chỉ đề cập đến chủ thể thực hiện quyền giám sát là Quốc hội và đối tượng chịu sự giám sát hoạt động thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân.

2. Giám sát, thẩm quyền giám sát, nguyên tắc và phương thức giám sát quyền công tố

Thứ nhất, về giám sát:

Là “sự theo dõi, kiểm tra việc thực hiện những điều đã quy định”³; theo khoản 1 Điều 2 *Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân* năm 2015: “giám sát là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo *Hiến pháp* và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý”. Theo quy định tại Điều 3 *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân* năm 2014, mục đích của thực hành quyền công tố là bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật; *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền công tố của Nhà nước; Điều 10 *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân* năm 2014 cũng quy định giám sát hoạt động của Viện kiểm sát.

Về thẩm quyền giám sát được quy định tại Điều 69 *Hiến pháp* năm 2013; khoản 5

Điều 2, 4 *Lược Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015* quy định giám sát của Quốc hội.

Thứ hai, về nguyên tắc giám sát:

(1) Hoạt động giám sát tuân thủ *Hiến pháp* và pháp luật là nguyên tắc được hiến định tại khoản 1 Điều 8 *Hiến pháp* năm 2013. Do vậy, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ và nghiêm chỉnh chấp hành. Giám sát của cơ quan nhà nước là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước nhằm kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, bảo đảm và bảo vệ các quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, xã hội, cá nhân, tổ chức, tăng cường pháp chế, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước. Vì vậy, khi thực hiện hoạt động này, phải bảo đảm nguyên tắc tuân thủ *Hiến pháp* và pháp luật một cách nghiêm minh và có trách nhiệm giải trình về mọi hoạt động đó.

(2) Hoạt động giám sát cần bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả: đây là một trong những tiêu chí của Nhà nước pháp quyền, phương diện quan trọng của kiểm soát quyền lực nhà nước, là cơ sở để xác định tính đúng đắn, tuân thủ, chấp hành pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, qua đó, góp phần trong phòng, chống tham nhũng, đặc biệt sớm phát hiện ra những hành vi vi phạm pháp luật để kịp thời xem xét, xử lý.

(3) Hoạt động giám sát không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát: chủ thể thực hiện quyền giám sát tối cao là Quốc hội, đối tượng chịu sự giám sát là Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền công tố. Do vậy, khi thực hiện hoạt động giám sát Quốc hội phải có kế hoạch thực hiện chương trình giám sát và cần nêu rõ thời gian, mục đích, yêu cầu giám sát; phân công các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện; tiến độ, công tác tổ chức, phối hợp thực hiện; trường hợp nội dung giám sát liên quan đến lĩnh vực phụ trách của

nhiều cơ quan khác nhau thì có kế hoạch nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

Thứ ba, phương thức giám sát:

(1) Xét báo cáo công tác Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đây chính là một trong những phương thức để thực hiện nội dung giám sát việc tổ chức thực hiện *Hiến pháp*, luật và nghị quyết của Quốc hội trong hoạt động thực tiễn của các đối tượng thuộc quyền giám sát tối cao. Việc xem xét, thảo luận các báo cáo hằng năm hoặc sáu tháng tại các kỳ họp cuối năm hay giữa năm được tiến hành theo một trình tự chặt chẽ do luật định, trong đó phải có thẩm tra, phản biện, thảo luận, tranh luận của các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội đối với đối tượng thuộc quyền giám sát tối cao của Quốc hội.

(2) Giám sát tối cao văn bản quy phạm pháp luật của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giám sát thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư liên tịch giữa bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đây chính là phương thức để thực hiện nội dung giám sát tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật (hoạt động lập quy) của đối tượng thuộc quyền giám sát tối cao của Quốc hội.

(3) Xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp. Thông qua việc chất vấn, Quốc hội đánh giá năng lực, trình độ và trách nhiệm của những người trả lời chất vấn. Vì vậy, xem xét việc trả lời chất vấn sẽ góp phần nâng cao năng lực, trình độ và trách nhiệm của đối tượng chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội và còn là tiền đề, là căn cứ để các đại biểu Quốc hội thực hiện các quyền bỏ phiếu tín nhiệm, bầu cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm.

(4) Xem xét báo cáo giám sát chuyên đề được quy định rõ tại khoản 4 Điều 2 *Lược Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015*. Quốc hội, các cơ

quan của Quốc hội theo dõi, xem xét, đánh giá vấn đề hoặc hoạt động của Viện trưởng, của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc tuân theo quy định pháp luật

(5) Xem xét báo cáo của Ủy ban lâm thời do Quốc hội thành lập để điều tra về một vấn đề nhất định. Khi xét thấy cần thiết, theo đề nghị của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội quyết định thành lập Ủy ban lâm thời để điều tra về một vấn đề nhất định.

(6) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Việc lấy phiếu tín nhiệm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, góp phần đánh giá uy tín và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của người được lấy phiếu tín nhiệm, giúp cho các chức danh được Quốc hội bầu và phê chuẩn có được mức độ tín nhiệm để tiếp tục phấn đấu, rèn luyện, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

(7) Xem xét báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kiến nghị giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

Thứ tư, hậu quả pháp lý của giám sát tối cao: đây là hoạt động thể hiện ý chí của Quốc hội bằng một hình thức văn bản gọi là nghị quyết do Quốc hội biểu quyết thông qua tại kỳ họp. Về nội dung, có thể là: nghị quyết về kết quả bỏ phiếu tín nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; nghị quyết thể hiện sự đánh giá của Quốc hội về trách nhiệm và năng lực của người chất vấn; nghị quyết bãi bỏ một phần hay toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với *Hiến pháp*, luật, nghị quyết của Quốc hội; nghị quyết về việc bổ sung, sửa đổi một hay một số điều luật nhằm khắc phục lỗ hổng về mặt pháp lý để giải quyết những sai sót do

hoạt động của Nhà nước gây ra hoặc yêu cầu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành văn bản hướng dẫn giải quyết một vụ việc cụ thể nào đó để thi hành *Hiến pháp*, luật, nghị quyết của Quốc hội...

3. Những đánh giá về cơ chế giám sát hoạt động thực hiện quyền công tố

Từ năm 2018 - 2023, Viện kiểm sát nhân dân luôn thực hiện đạt kết quả vượt 4/4 chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện chức năng thực hành quyền công tố luôn được các kiểm sát viên tích cực, chủ động tiến hành các hoạt động theo thẩm quyền như trực tiếp phúc cung 38.127 bị can (năm 2020); 38.236 bị can (năm 2021)...⁴; quá trình kiểm sát kiểm sát viên trực tiếp lấy lời khai có ghi âm, ghi hình, có âm thanh ở giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, có sổ tay kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố...; chú trọng hỏi cung những vụ án nghiêm trọng, phức tạp, có khiếu nại, oan sai, chứng cứ có nhiều mâu thuẫn...

Thông qua đó, đã tổng hợp những vi phạm, thiếu sót để ban hành thông báo rút kinh nghiệm và các kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục, phòng ngừa vi phạm với số lượng lớn (năm 2022, ban hành 599 thông báo rút kinh nghiệm). Các thông báo rút kinh nghiệm và kiến nghị trên đều được chấp nhận đạt tỷ lệ cao: năm 2020, ban hành 831 kiến nghị, các kiến nghị được chấp nhận đạt tỷ lệ 99,8%; năm 2021 ban hành 980 kiến nghị, các kiến nghị được chấp nhận đạt 99,8%; năm 2022, ban hành 1.379 kiến nghị, các kiến nghị được chấp nhận đạt 100%⁵. Đồng thời, trách nhiệm công tố ngày càng được nâng cao; chất lượng, kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên từng bước được hoàn thiện. Cụ thể: đã kiểm sát 100% các vụ án hình sự ngay từ khi khởi tố; tỷ lệ truy tố đúng thời hạn đạt 99,99%, đến 100% vượt 10%; tỷ lệ truy tố đúng tội danh đạt 100%, vượt 4,98%; kháng nghị các loại được Tòa án chấp nhận đạt tỷ lệ cao, vượt 8,8%⁶.

Toàn ngành Kiểm sát đạt được kết quả như trên được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, sự đồng lòng, quyết tâm, đoàn kết, sự nỗ lực không ngừng trong công tác của cán bộ, công chức Viện kiểm sát nhân dân và được sự giám sát chặt chẽ của Quốc hội. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát quyền công tố vẫn còn tồn tại một số hạn chế, như:

(1) Khái niệm giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của các cơ quan của Quốc hội còn chưa rõ ràng, dẫn đến chưa giới hạn được phạm vi và mục đích giám sát. Việc không rõ ràng trong vấn đề quy trách nhiệm của các chủ thể được giám sát có một phần nguyên nhân từ việc chưa xác định rõ được mục đích của giám sát.

(2) Đối tượng giám sát quá rộng, nội dung giám sát chưa rõ nên chưa xác định đối tượng nào, việc nào là trọng tâm, cần tập trung trong hoạt động giám sát đã dẫn đến hoạt động giám sát còn chung chung hiệu quả khả thi thấp.

(3) Hình thức giám sát còn chưa đa dạng nên hiệu quả chưa cao tại các kỳ họp Quốc hội cũng như các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thường xuyên phải báo cáo công tác về trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của mình cũng như ngành Kiểm sát nhân dân. Tuy nhiên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có sự giải thích, hướng dẫn cụ thể về yêu cầu cần thể hiện trong các báo cáo. Điều đó làm cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao thường bị lúng túng trong việc chuẩn bị nội dung báo cáo.

(4) Việc thực hiện quyền giám sát thông qua hoạt động giám sát chuyên đề, do nội dung giám sát chuyên đề đối với Viện kiểm sát nhân dân có nội dung khá rộng trong khi thời gian và nguồn lực thực hiện của các cơ quan của Quốc hội có hạn.

(5) Các chất vấn của đại biểu Quốc hội đối với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối

cao còn một số hạn chế nhất định, một số câu hỏi chất vấn còn dài, không rõ trọng tâm; thời gian dành cho hoạt động chất vấn nói chung và thời gian dành cho việc chất vấn đến cùng về một nội dung phức tạp, bức xúc nói riêng còn chưa thỏa đáng. Còn thiếu thời gian, nhân lực, thông tin và các điều kiện bảo đảm khác cho việc giám sát...

4. Một số đề xuất giải pháp

Một là, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hoạt động giám sát của Quốc hội đối với Viện kiểm sát nhân dân.

Hiện nay, hệ thống pháp luật điều chỉnh về hoạt động giám sát của Quốc hội nói chung và đối với Viện kiểm sát nhân dân nói riêng chưa hoàn thiện, thiếu cụ thể, do đó, cần quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, hình thức, cách thức tiến hành giám sát, hậu quả pháp lý của hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc các Ủy ban của Quốc hội; trách nhiệm của các cơ quan trong việc không thực hiện đầy đủ quy định của *Luật*. Tiếp tục quy định rõ hơn về đối tượng, trình tự, thủ tục tiến hành lấy phiếu tín nhiệm tại kỳ họp Quốc hội, bảo đảm tính khả thi; về trình tự, thủ tục Quốc hội xử lý đối với những chức danh không đủ tín nhiệm; quy định rõ về hình thức, trình tự, thủ tục, hậu quả pháp lý của hoạt động giám sát chuyên đề của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội.

Cần đặc biệt chú trọng quy định về hình thức văn bản và các chế tài sau giám sát; công tác báo cáo, điều hành, phối hợp; quy định bổ sung thẩm quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh chương trình giám sát của Quốc hội và báo cáo Quốc hội trong kỳ họp gần nhất; vai trò của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc chỉ đạo, điều hành, phối hợp hoạt động giám sát; quy định trình tự trình bày các báo cáo tại kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội (trừ báo cáo của Quốc hội, còn lại các báo cáo trình Quốc hội xem xét, thảo luận đều phải

qua thủ tục thẩm tra). Theo đó, cần quy định thủ tục riêng về việc Quốc hội xem xét văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội có nội dung không phù hợp *Hiến pháp*.

Quy định chặt chẽ hơn điều kiện thành lập Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, của Đoàn đại biểu Quốc hội; quy định thủ tục về thực hiện điều trần tại Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và hậu quả pháp lý của hoạt động này; việc Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội cử thành viên đến cơ quan, tổ chức hữu quan để xem xét, xác minh về vấn đề mà Hội đồng, Ủy ban quan tâm.

Hai là, tiếp tục đổi mới các phương thức, thủ tục thực hiện hoạt động giám sát của Quốc hội.

Trước những yêu cầu trên hoạt động giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đối với Viện kiểm sát nhân dân không thể không ngừng đổi mới phương thức, thủ tục giám sát để bảo đảm đúng theo quy định của *Hiến pháp* và pháp luật, phù hợp với thực tế khách quan trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, tăng cường cơ sở vật chất, khoa học - công nghệ cho hoạt động giám sát của Quốc hội đối với Viện kiểm sát nhân dân.

Muốn thực hiện được quyền giám sát này phải tiến hành các hoạt động xem xét, theo dõi, đi kiểm tra thực tế... Để làm được, Quốc hội phải có những điều kiện cơ bản nhất định về vật chất, kinh phí phục vụ cho hoạt động giám sát, như: nơi làm việc, phương tiện giao thông, thư viện, bộ phận lưu trữ về các tài liệu giám sát của Quốc hội. Điều này cũng phụ thuộc vào nguồn tài chính và cần có được những cộng sự có chuyên môn giỏi để đáp ứng một cách đầy đủ cho hoạt động này (nhất là về mặt thông tin, tư liệu và việc xử lý các thông tin đó).

5. Kết luận

Hoạt động giám sát của Quốc hội đối Viện kiểm sát nhân dân có vai trò đặc biệt quan

trọng, vừa thực hiện nguyên tắc kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước, vừa giúp cho Viện kiểm sát nhân dân luôn thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo luật định. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động giám sát, các cơ quan của Quốc hội với vai trò tham mưu, giúp Quốc hội thực hiện tốt hơn chức năng giám sát của Quốc hội đối với các cơ quan trong bộ máy nhà nước nói chung và đối với Viện kiểm sát nhân dân nói riêng, đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay □

Chú thích:

1. Nguyễn Minh Đoan, Bùi Thị Đào, Trần Ngọc Định, Trần Thị Hiền, Lê Vương Long, Nguyễn Văn Năm, Bùi Xuân Phái (2009). *Một số vấn đề về tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước*. H. NXB Chính trị quốc gia, tr. 9.
2. Bertrand Russell (năm 2022). *Quyền lực*. NXB Hiện đại, tr. 18.
3. Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển học (2013). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng, tr. 507.
- 4, 5, 6. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2024). *Báo cáo tổng kết công tác ngành Kiểm sát từ năm 2018 đến năm 2023*. Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2019). *Báo cáo số 159-BC/BCSD ngày 30/9/2019 về “Tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 trong ngành Kiểm sát nhân dân”*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I, II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Quốc hội (2013). *Hiến pháp năm 2013*.
4. Quốc hội (2015). *Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015*.
5. Quốc hội (2015). *Luật Tổ chức Quốc hội năm 2015*.
6. Quốc hội (2014). *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*.